| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **54/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2023
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Công Rô

2. Ông Hà Minh Hằng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Kiều T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1995 (có mặt);

HKTT: Sn 407, ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Kp MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn*: Anh Phan Vũ L, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp CNN, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Phan Vũ L chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2015. Chị và anh Phan Vũ L có 01 người con chung tên: Phan Vũ A, sinh ngày 10/9/2014 hiện đang sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Phan Vũ L không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Phan Vũ L không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống anh Phan Vũ L thường xuyên ăn chơi và bỏ nhà đi chơi với bạn bè nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 7/2020 anh Phan Vũ L bỏ nhà ra đi sống ly thân với chị cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Phan Vũ L không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Vũ L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên: Phan Vũ A, sinh ngày 10/9/2014 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Phan Vũ L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phan Vũ L không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Phan Vũ A như sau*:

Phan Vũ A con của anh Phan Vũ L và chị Lê Thị Kiều T, từ khi cha và mẹ của Phan Vũ A không còn chung sống với nhau thì Phan Vũ A sống chung với mẹ là chị Lê Thị Kiều T, địa chỉ: Kp MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Nếu mẹ cha của Phan Vũ A ly hôn thì Phan Vũ A có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Lê Thị Kiều T. Phan Vũ A cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 23/11/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Phan Vũ L, cư trú tại ấp CNN, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thường xuyên đi làm thuê, vắng mặt ở nhà, mỗi lần về nhà không xác định được. Anh Phan Vũ L và chị Lê Thị Kiều T chung sống được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian anh Phan Vũ L và chị Lê Thị Kiều T chung sống có 01 người con chung hiện nay đang chung sống với chị Lê Thị Kiều T.

** Bị đơn anh Phan Vũ L*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phan Vũ L nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho

mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Kiều T nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1995 (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn Lê Thị Kiều T và Phan Vũ L (Bản chính); Giấy khai sinh Phan Vũ A, sinh ngày 10/9/2014 (Bản sao); Bản trình bày nguyện vọng ngày 11/02/2023 của Phan Vũ A (Bản chính); Biên bản xác minh các ngày 23/11/2022 và ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Vũ L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Phan Vũ A, sinh ngày 10/9/2014 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được chị không yêu cầu anh Phan Vũ L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chị tự xác định, chị và anh Phan Vũ L không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Vũ L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Vũ L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Vũ L và yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Vũ L. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Lê Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi

con chị Lê Thị Kiều T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị Kiều T tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phan Vũ L và nuôi con. Bị đơn anh Phan Vũ L cư trú tại: ấp CNN, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phan Vũ L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lê Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Phan Vũ L nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phan Vũ L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Lê Thị Kiều T và anh Phan Vũ L nhưng anh Phan Vũ L vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà chị Lê Thị Kiều T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Vũ L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị Kiều T và anh Phan Vũ L chung sống với nhau vào năm 2014 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2015 quyển số 01/2015 ngày 28/7/2015, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Vũ L, thời gian chị và anh Phan Vũ L chung sống thì anh Phan Vũ L thường xuyên bỏ nhà đi chơi với bạn bè nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 7/2020 anh Phan Vũ L bỏ nhà ra đi sống ly thân với chị cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Phan Vũ L không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Vũ L, nhưng anh Phan Vũ L không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Lê Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Kiều T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phan Vũ L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều T, cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Vũ L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lê Thị Kiều T và anh Phan Vũ L có 01 người con chung tên: Phan Vũ A, sinh ngày 10/9/2014, hiện nay đang sống với chị Lê Thị Kiều T. Khi ly hôn, chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Phan Vũ L không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Lê Thị Kiều T, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có nguyện vọng chung sống với chị Lê Thị Kiều T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị cho chị Lê Thị Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Thị Kiều T không yêu cầu anh Phan Vũ L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị Kiều T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Lê Thị Kiều T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu

cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Vũ L.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Phan Vũ A, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2014 cho chị Lê Thị Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Hiện nay đang chung sống với chị Lê Thị Kiều T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Kiều T không yêu cầu anh Phan Vũ L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị Kiều T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Lê Thị Kiều T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003741 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị Kiều T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 08/5/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**